|  |  |
| --- | --- |
| HĐND TỈNH KON TUM  **THƯỜNG TRỰC HĐND** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 39 /BC-TTHĐND | *Kon Tum, ngày 03 tháng 12 năm 2020* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2025 và các nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND**

Thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 25/12/2019 của Thường trực HĐND tỉnh về chương trình giám sát của Thường trực HĐND tỉnh năm 2020; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 18/8/2020 về Thành lập Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2025 và các nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND *(sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 37)*. Từ ngày 06/10 đến ngày 26/11/2020, Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh đã tiến hành giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 37 tại các huyện ĐăkGlei, Tu Mơ Rông, Đăk Tô, Kon Rẫy, Kon Plông, Trường Cao đẳng cộng đồng, Trường Mần non Thực hành sư phạm; làm việc với các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động- Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ; UBND tỉnh**[[1]](#footnote-1)**, kết quả như sau:

**I. Kết quả đạt được:**

**1. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết 37:**

- Ngay sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 37 và các Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết 37**[[2]](#footnote-2)**; UBND tỉnh đã ban hành các văn bản tổ chức triển khai thực hiện**[[3]](#footnote-3)** và các quyết định, kế hoạch liên quan đến việc triển khai quy hoạch *(có phụ lục các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai kèm theo).*

- Sở Giáo dục và đào tạo là cơ quan chủ trì đã thực hiện công bố quy hoạch và tham mưu xây dựng các kế hoạch chuyên ngành triển khai quy hoạch; các sở ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại quy hoạch đã tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 37, thực hiện xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của cấp huyện, thành phố hàng năm và giai đoạn phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh. Riêng HĐND – UBND huyện Đăk Tô đã ban hành Nghị quyết phê duyệt Đề án Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Đăk Tô giai đoạn 2013**-**2020, định hướng đến năm 2025 và quyết định của UBND huyện triển khai thực hiện; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Kon Plong xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch mạng lưới cở sở giáo dục trên địa bàn huyện giai đoạn 2011-2020.

**2. Kết quả triển khai các nội dung của Nghị quyết**

**2.1. Triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết** *(chi tiết tại Phụ lục 1)*

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh đạt những kết quả nhất định. Trong tổng số 40 chỉ tiêu, có 19 chỉ tiêu đạt và vượt *(trong đó, số đạt là 14 chỉ tiêu, số vượt 05 chỉ tiêu)*; 20 chỉ tiêu không đạt; 01 chỉ tiêu không đánh giá**[[4]](#footnote-4)**.

**2.2. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học:**

**- Đối với giáo dục mầm non và phổ thông:**

Hệ thống mạng lưới trường học Kon Tum được xây dựng cơ bản đảm bảo theo quy hoạch, xây dựng, bố trí rộng khắp, tương đối hợp lý với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và địa bàn dân cư. Ở mỗi xã, phường, thị trấn đều có đầy đủ hệ thống trường học cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; mỗi huyện có ít nhất 01 trường Phổ thông Dân tộc nội trú (DTNT) hoặc trường Trung học phổ thông (THPT). Ngoài ra để phù hợp với đặc điểm dân cư và điều kiện phát triển kinh tế-xã hội, một số địa phương bố trí thêm phân hiệu của loại hình trường DTNT hoặc THPT. Đến nay toàn tỉnh có 464 trường/6.300 lớp ở tất cả các cấp học *(chi tiết tại Phụ lục 2).*

Từ năm 2018, thực hiện chủ trương sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, ngành giáo dục đã thực hiện sáp nhập trường học ở khối Tiểu học TH) và Trung học cơ sở (THCS). Đến ngày 31 tháng 8 năm 2020, đã sáp nhập 102 cơ sở giáo dục**[[5]](#footnote-5)** *(chi tiết tại Phụ lục 3).* Theo đó thay đổi quy hoạch mạng lưới trường lớp theo chiều hướng giảm trường, lớp**[[6]](#footnote-6)**.

Việc xã hội hóa loại hình trường ngoài công lập có bước chuyển biến. Hiện nay có 24 trường mầm non ngoài công lập được thành lập và đi vào hoạt động, góp phần nâng tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, nhất là trẻ dưới 3 tuổi. Toàn tỉnh có 100% xã có Trung tâm học tập cộng đồng, góp phần bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và phát triển giáo dục cho các địa phương.

**- Đối với hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX):**

Từ năm 2017 đến nay, trên cơ sở sáp nhập Trung tâm dạy nghề và Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện, đến nay có 8 huyện, thành phố có Trung tâm GDNN-GDTX. Phần lớn các lớp GDTX được bố trí đủ phòng học; các lớp dạy nghề sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng được đầu tư xây dựng phòng học lý thuyết, nhà xưởng thực hành, ký túc xá… Tuy nhiên, hiện nay các trung tâm phần lớn tập trung đào tạo các nghề nông nghiệp theo đơn đặt hàng của huyện hoặc một số doanh nghiệp theo hình thức lưu động; các nghề phi nông nghiệp đào tạo với số lượng ít hơn. Ngoài ra các trung tâm còn linh động liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh mở các lớp sơ cấp nghề có nhu cầu, đào tạo tiếng dân tộc thiểu số, tiếng anh, tin học... Hầu hết các huyện, thành phố đánh giá học viên sau học nghề đã vận dụng tốt vào thực tế trong sản xuất hộ gia đình như ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật, nâng cao năng suất trong sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập. Các trung tâm nhận đào tạo theo địa chỉ cho một số doanh nghiệp, học viên sau tốt nghiệp được tiếp nhận vào làm việc**[[7]](#footnote-7)**.

**- Giáo dục Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp:** Trường Cao đẳng cộng đồng sau khi sáp nhập hoạt động tại 4 cơ sở. Năm học 2019-2020 với tổng quy mô đào tạo là 1.273 HSSV hệ trung cấp, cao đẳng (trong đó tuyển mới năm 2019 là 280 HSSV; 290 HSSV tốt nghiệp)*.* Ngoài ra, phối hợp đào tạo liên kết, liên thông các trình độ cho 1.546 học viên; sơ cấp, bồi dưỡng khác với hơn 3.000 học viên.

**- Giáo dục dân tộc:** Đến nay toàn tỉnh có 10 trường Phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) và 51 trường Phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) ở các địa phương đủ điều kiện thành lập. Các trường nội trú và bán trú đều được đầu tư cơ sở vật chất, ký túc xá, nơi ăn, ở và các công trình phục vụ cho nội trú, bán trú. Các chính sách cho trường nội trú, bán trú và học sinh nội trú, bán trú được thực hiện đầy đủ và kịp thời, động viên học sinh an tâm tập trung học tập. Ngoài ra một số nơi còn được đầu tư xây dựng ký túc xá cho những học sinh không thuộc chế độ nội trú ở những vùng sâu, vùng xa có nơi ở, sinh hoạt**[[8]](#footnote-8)**. Từ nguồn Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và vốn đối ứng địa phương, đã đầu tư cải tạo nâng cấp nhà ăn, nhà bếp và nhà ở cho 34 trường PTDTBT, mua sắm trang thiết bị cho 60 trường PTDTBT, trường Phổ thông có học sinh bán trú với tổng kinh phí 104.636 triệu đồng.

**2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên:** *(chi tiết tại Phụ lục 4)*

Để thực hiện công tác giảng dạy ở các cấp học phù hợp với mạng lưới trường lớp theo quy hoạch, ngành giáo dục được quan tâm bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên cơ bản theo quy định và đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, cụ thể:

- Cấp mầm non và phổ thông: Tổng số 11.879 người, trong đó cán bộ quản lý 995 người (CBQL), giáo viên 9.573 người (GV), nhân viên 1.311 người (NV).

- Tổng số viên chức các trung tâm GDNN-GDTX là 346 người (cán bộ quản lý 63 người, giáo viên 283 người) để thực hiện chức năng dạy nghề và giáo dục thường xuyên.Tổng đội ngũ công chức, viên chức của trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum có 267người, cơ bản đảm bảo công tác giảng dạy.

Bên cạnh đó, cùng với việc thực hiện sắp xếp lại các trường học, việc bố trí CBQL, GV, NV cũng được điều chỉnh giảm so với quy hoạch**[[9]](#footnote-9)**. Việc bố trí tỷ lệ giáo viên/lớp hiện nay cơ bản đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, trong đó một số trường cấp THCS và THPT được bố trí cao hơn định mức.

**2.4. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:** Ngành giáo dục đã xây dựng và tổ chức thực hiện đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2011-2015 và đến 2020. Theo đó, đến cuối năm 2020 toàn tỉnh có 175 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia và đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra**[[10]](#footnote-10)**. Các trường trong lộ trình đạt chuẩn quốc gia được quan tâm đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng trường, lớp; đầu tư, nâng cấp các công trình ngoài phòng học *(phòng thí nghiệm, thư viện, phòng để đồ dùng dạy học, nhà làm việc, nhà đa chức năng, công trình vệ sinh - nước sạch,...)* đảm bảo trường đạt chuẩn quốc gia với tổng kinh phí 1.549.900 triệu đồng (trong đógiai đoạn 2011 - 2015 là 844.700 triệu đồng, giai đoạn 2016 - 2020: 705.200 triệu đồng).

**2.5. Kinh phí thực hiện quy hoạch:** *(chi tiết tại phụ lục 5)*

Tổng kinh phí bố trí thực hiện quy hoạch 16.612.866 triệu đồng. Trong đó:Giai đoạn 2011-2015: 6.959.542 triệu, đạt 81,9% so với quy hoạch; Giai đoạn 2016-2020: 9.653.324 triệu, đạt 72,9% so với quy hoạch.

**II. Hạn chế, Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

**1. Hạn chế, khó khăn:**

- Về công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện: Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch không giao huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể của từng địa phương để triển khai quy hoạch. Do đó các huyện, thành phố không có căn cứ để thực hiện sơ kết, tổng kết nghị quyết.

- Về triển khai thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết 37: Nhiều chỉ tiêu của nghị quyết không đạt được, chiếm khoảng 50% tổng số các chỉ tiêu của nghị quyết. Hầu hết ở các cấp học đều có chỉ tiêu không đạt được. Đối với mầm non: Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3 tuổi còn thấp. Hầu hết các huyện đều không đạt, trong đó có huyện tỷ lệ huy động rất thấp**[[11]](#footnote-11)**. Tại các điểm trường lẻ, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, việc tổ chức chăm sóc trẻ bán trú chưa thực hiện được, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi, nhẹ cân ở một số trường vùng sâu, vùng xa còn cao, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non còn nhiều hạn chế; phần đối ứng của phụ huynh học sinh để cùng thực hiện chương trình sữa học đường ở những nơi được thụ hưởng khó thực hiện. Đối với cấp tiểu học: triển khai dạy học 2 buổi/ngày chưa đạt chỉ tiêu, trong đó huyện Đăk Hà và Sa Thầy tỷ lệ triển khai còn thấp**[[12]](#footnote-12)** .

- Việc triển khai dạy học tiếng Anh chương trình mới ở cấp phổ thông đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020 và giai đoạn 2019-2025, được bố trí 62.392,6 triệu đồng cho 2 đề án, số học sinh được học anh văn chương trình mới tăng lên**[[13]](#footnote-13)**, nhưng đến nay số học sinh lớp 3, lớp 6 và lớp 10 được học Anh văn chương trình mới còn rất thấp so với quy hoạch**[[14]](#footnote-14)**.

- Việc triển khai dạy môn Tin học ở cấp Tiểu học và THCS chưa đạt chỉ tiêu đề ra**[[15]](#footnote-15)**. Các địa phương phản ánh hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong nhà trường vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế, các thiết bị máy tính đều được trang bị quá lâu, cấu hình yếu và xuống cấp nên việc.

- Việc đề ra chỉ tiêu thấp hơn so với nghị quyết của HĐND tỉnh nhưng chưa báo cáo điều chỉnh kịp thời**[[16]](#footnote-16)**. Một số chỉ tiêu đề ra chưa sát với thực tế như huy động trẻ dưới 3 tuổi ra lớp, xây dựng trường mầm non đạt chuẩn mức độ 2 nhưng chưa kịp thời rà soát hàng năm để tham mưu HĐND tỉnh điều chỉnh nghị quyết phù hợp; chỉ tiêu học Tiếng anh theo chương trình mới (hệ 10 năm) mặc dù đã được đề ra trong một thời gian dài nhưng công tác chuẩn bị về cơ sở vật chất phục vụ môn học, giáo viên đạt chuẩn dạy Tiếng Anh theo chương trình mới vẫn còn nhiều lúng túng, bất cập. Các trường, nhất là bậc tiểu học, tại các nơi đến giám sát trực tiếp đều phản ánh việc tuyển giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn rất khó khăn.

- Về Quy hoạch mạng lưới trường lớp còn những bất cập: Tại thời điểm giám sát, cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhiều trường vừa thiếu, vừa chưa đồng bộ, nguy cơ xuống cấp cao; thư viện, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn và các phương tiện dạy học chưa đảm bảo số lượng, không đồng bộ về chủng loại và chất lượng so với yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục. Nhiều trường học, công tác vệ sinh chưa đảm bảo, thiếu nước sạch. Công tác giáo dục ở một số địa phương có địa bàn rộng, chia cắt, dân cư phân tán còn nhiều bất cập**[[17]](#footnote-17)**.

- Thực hiện việc sắp xếp lại các cơ sở giáo dục hiện nay đã bước đầu tinh gọn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, tuy nhiên về hiệu quả trong hoạt động giảng dạy, nâng cao chất lượng học sinh chưa có tác động chuyển biến đáng kể. Phát triển loại hình trường mầm non ngoài công lập chỉ tập trung chủ yếu ở các địa bàn có điều kiện phát triển kinh tế-xã hội như thành phố Kon Tum, Đăk Hà, Ngọc Hồi... Kết quả thực hiện xã hội hóa giáo dục ở các địa phương chưa đồng đều, kết quả phát triển loại hình trường ngoài công lập ở các địa phương còn ít.

- Công tác xây dựng trường PTDTNT đạt chuẩn quốc gia còn khó khăn, chưa đạt tiêu Nghị quyết (đạt 2/5 trường). Phần lớn các trường được đầu tư đã lâu nên một số hạng mục xuống cấp, hư hỏng. Công tác phát triển hệ thống trường PTDTBT còn hạn chế**[[18]](#footnote-18)**.Hiện nay ở một số trường còn phòng học tạm, mượn, nhờ (52 phòng), cơ sở vật chất phục vụ cho bán trú chưa đáp ứng đầy đủ so với nhu cầu. Chất lượng học sinh dân tộc thiểu số có bước chuyển biến, tuy nhiên học sinh bỏ học vào thời điểm vụ mùa còn cao, một số nơi thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS chưa hiệu quả.

- Về đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên và nhân viên:

Việc bố trí giáo viên và nhân viên còn nhiều bất cập: Đối với cấp mầm non, hầu hết các địa phương phản ánh thiếu giáo viên, trong đó một số địa phương tỷ lệ giáo viên/lớp thấp như Tu Mơ Rông, Đăk Tô, Kon Plông. Thực hiện hợp đồng giáo viên mầm non theo đề án xã hội hóa khó khăn vì không có nguồn tuyển. Cấp tiểu học mặc dù bố trí giáo viên cơ bản đảm bảo và tăng hơn so với quy hoạch**[[19]](#footnote-19)** nhưng thực tế các huyện, thành phố phản ánh thiếu giáo ở một số bộ môn đặc thù, đơn môn như: Âm nhạc, Mỹ thuật, thể dục, tin học, anh văn. Nhân viên trường học so với định mức các loại hình trường các cấp học chưa đảm bảo. Đa số các huyện ưu tiên bố trí nhân viên trường học tại các trường trong lộ trình đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia; một số trường không được bố trí nhân viên trường học**[[20]](#footnote-20)**, trừ nhân viên kế toán làm nhiệm vụ chung cho các cấp học trên cùng địa bàn xã; các nhiệm vụ của nhân viên trường học do Ban giám hiệu hoặc Giáo viên kiêm nhiệm. Đối với chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP đã được phân về cho các huyện**[[21]](#footnote-21)** (chủ yếu là nhân viên cấp dưỡng trong trường mầm non), đến thời điểm giám sát, một số huyện chưa triển khai**[[22]](#footnote-22)**. Một số huyện phân bổ định mức chi thường xuyên tính trên đầu giáo viên rất thấp, giữa các huyện có sự chênh lệch khá lớn, nhiều trường khó khăn trong tổ chức, điều hành hoạt động của nhà trường.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo quy định: Đến thời điểm giám sát, tỷ lệ giáo viên các bậc học đạt chuẩn và trên chuẩn đều đạt chỉ tiêu của Nghị quyết (đánh giá theo Luật giáo dục 2005). Tuy nhiên thực hiện Luật giáo dục 2019, số giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ở các cấp học giảm xuống**[[23]](#footnote-23)**.

- Về hoạt động của Trung tâm GDNN-GDTX:

Đối với hoạt động GDTX: Chưa được quan tâm đúng mức, sử dụng cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy các lớp bổ túc văn hóa ở mỗi địa phương còn bất cập. Có địa phương phòng học của trung tâm được đầu tư quá lâu đã hư hỏng, xuống cấp không sử dụng được, mượn tạm một số cơ sở khác để tổ chức dạy bổ túc văn hóa (Đăk Tô); nhiều đơn vị không bố trí được khu nội trú cho học viên ở xa (Kon Rẫy), ngược lại có đơn vị có đầy đủ cơ sở vật chất nhưng thiếu học viên (Tu Mơ Rông). Riêng Kon Plông chưa triển khai các hoạt động giáo dục thường xuyên. Số lượng học viên ở các trung tâm rất ít, cá biệt có đơn vị tuyển không đủ mở riêng lớp, chất lượng đầu vào thấp, công tác duy trì sỹ số học sinh chưa được đảm bảo, chất lượng học tập hạn chế, tỷ lệ tốt nghiệp thấp**[[24]](#footnote-24)**; phần lớn các trung tâm thiếu giáo viên ở một số phân môn, phải hợp đồng giáo viên từ các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn.

Đối với giáo dục nghề nghiệp: Việc phát huy cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy nghề đã được đầu tư cho trung tâm còn hạn chế. Có địa phương chưa sử dụng hết cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề một số nơi không sử dụng được vì đầu tư quá lâu, hư hỏng, nhất là thiết bị dạy nghề phi nông nghiệp**[[25]](#footnote-25)**. Công tác quản lý, điều hành của các trung tâm chồng chéo, chế độ đối với cán bộ quản lý, giáo viên còn nhiều bất cập. Mỗi trung tâm chịu sự quản lý, chỉ đạo của 3 đơn vị ở 2 cấp khác nhau. Sở LĐTB&XH chỉ đạo chuyên môn dạy nghề, Sở GD&ĐT chỉ đạo chuyên môn về GDTX, UBND huyện quản lý về tài chính, nhân sự, thi đua. Hoạt động của Trung tâm chủ yếu đào tạo nghề theo Quyết định 1956, khó khăn nhiều trong việc liên kết, ký kết chương trình đào tạo với các cơ sở khác.

- Giáo dục dân tộc: Tỷ lệ học sinh bỏ học vào thời điểm vụ mùa còn cao, một số trường thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS chưa hiệu quả; tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số tham gia học Tiếng Anh theo chương trình mới còn thấp.

- Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng: Bộ máy quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng đều được tổ chức, được hỗ trợ kinh phí hoạt động nhưng chưa phát huy hiệu quả, chưa thể hiện được vai trò trong việc thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp công tác giáo dục tại địa phương, hầu hết các huyện không đánh giá được hoạt động của trung tâm khi đoàn giám sát yêu cầu.

- Giáo dục Đại học: Nguồn tuyển sinh các lớp chính quy hệ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng cộng đồng rất khó khăn, chưa đạt chỉ tiêu tuyển sinh giao hàng năm, trong khi ngân sách cấp để trả lương cho cán bộ giáo viên dựa trên số lượng sinh viên được tuyển hệ chính quy, vì vậy nguồn ngân sách phần lớn chưa đảm bảo cho trả lương và chi các hoạt động khác của nhà trường như: Nghiên cứu khoa học, sáng kiến, biên soạn giáo trình...; chưa phối hợp tốt với các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh để làm công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông tham gia học nghề tại trường.

- Về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Chỉ tiêu xây dựng trường mầm non chuẩn quốc gia mức độ 2 và Trường PTDTNT không đạt được**[[26]](#footnote-26)**. Nhiều trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia theo từng mức độ nhưng vẫn còn tình trạng nợ tiêu chí trong nhiều năm, chủ yếu là các tiêu chí về cơ sở vật chất như hạng mục khu hiệu bộ, phòng chức năng, phòng bộ môn, sân bãi, tường rào, đồ dùng dạy học... Công tác rà soát, đề nghị công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia thực hiện còn không đúng thời hạn (Quá 5 năm chưa đề nghị rà soát công nhận lại). Bên cạnh đó việc sáp nhập giữa các trường ảnh hưởng đến xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia vì chưa có hướng dẫn cụ thể của ngành chức năng đối với trường sau sáp nhập tiến hành các thủ tục đề nghị công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định nên các địa phương còn lúng túng.

- Kinh phí bố trí cho quy hoạch: Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hàng năm tăng lên, nhưng chưa đạt so với quy hoạch *(giai đoạn 2011-2015 đạt 84,8%, giai đoạn 2016-2020 đạt 82,2)*. Nguồn thu xã hội hóa tăng chậm và tỷ trọng nguồn xã hội hóa giảm so với giai đoạn trước**[[27]](#footnote-27)**. Nguồn thu từ học phí có tăng lên so với giai đoạn trước nhưng rất hạn chế, tập trung chủ yếu ở các địa bàn phường, thị trấn thuộc thành phố Kon Tum, Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, một số địa phương tỷ lệ thu học phí đạt thấp (Kon Rẫy), có huyện không thu được (Kon Plông), hàng năm Ủy ban nhân dân huyện phải cấp bù kinh phí.

**2. Nguyên nhân**

***2.1. Nguyên nhân khách quan***

- Một số địa phương có đia bàn rộng, dân cư phân tán, quy mô trường lớp nhỏ lẻ, phân tán vì vậy công tác đầu tư cơ sở vật chất, quản lý, dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện còn hạn chế.

- Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn khó khăn, đầu tư cho giáo dục đào tạo phần lớn từ ngân sách nhà nước, trong khi nhu cầu phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo ngày càng lớn, nhất là hiện nay thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, do đó để đáp ứng yêu cầu cần có kế hoạch và lộ trình lâu dài.

- Phân bổ chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục chưa đảm bảo theo quy định**[[28]](#footnote-28)** và quy mô mạng lưới trường, lớp và học sinh, dẫn đến nhiều chỉ tiêu của nghị quyết chưa đạt.

- Công tác thu hút doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn chưa tạo bước đột phá trong sử dụng lao động địa phương. Phần lớn doanh nghiệp hoạt động với quy mô vừa và nhỏ, ngành nghề kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, hoạt động theo mùa vụ. Do đó nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp rất hạn chế, số lượng lao động sau học nghề được tuyển dụng không đáng kể.

***2.2. Nguyên nhân chủ quan***

***-*** Công tác tuyên truyền, phổ biến nghị quyết ở các cấp, các ngành và nhân dân về phát triển giáo dục và đào tạo một số địa phương chưa thật sự hiệu quả. Một số nơi, các cấp chính quyền và ngành giáo dục chưa quan tâm đúng mức đến một số hoạt động của giáo dục đào tạo như: Hoạt động trung tâm học tập cộng đồng, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp; chưa có giải pháp linh hoạt việc sử dụng cơ sở vật chất đã đầu tư và đội ngũ giáo dục của địa phương để phát huy tối đa hiệu quả và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn.

- Một số cơ sở đào tạo chưa kịp thời đổi mới các hoạt động giáo dục và đào tạo, nhất là các giải pháp phân luồng học sinh từ bậc THCS, THPT chủ động liên kết, liên thông các cấp học để đảm bảo nguồn tuyển sinh.

**III. Kiến nghị**

Thường trực HĐND tỉnh thống nhất với giải pháp của UBND tỉnh để khắc phục những hạn chế, khó khăn trong thời gian tới. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, cụ thể:

(1) Chỉ đạo các sở, ngành và chính quyền các cấp có giải pháp tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nội dung của quy hoạch. Rà soát quy hoạch, kế hoạch và điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với các quy định của trung ương và tình hình thực tế của địa phương trong giai đoạn tới.

(2) Chỉ đạo ngành giáo dục:

- Rà soát nhu cầu cơ sở vật chất trường lớp và trang thiết bị dạy học của từng cấp học, từng địa phương để có lộ trình đầu tư đồng bộ, nhất là ưu tiên đầu tư hệ thống nhà vệ sinh và cấp nước sạch, phòng học, phòng chức năng và hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để nâng tỷ lệ số cơ sở giáo dục và học sinh được học tiếng Anh chương trình mới, Tin học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và nhu cầu dạy học 2 buổi/ngày.

- Đánh giá lại hệ thống trường PTDTNT và trường PTDTBT để sắp xếp, có lộ trình phát triển phù hợp ở những địa bàn thật sự đủ điều kiện để nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất bán trú, nội trú và tinh thần gắn với bản sắc văn hóa của học sinh nội trú, bán trú.

- Nghiên cứu về mô hình trường thực hành sư phạm ở các cấp học như hiện nay để có phương án quản lý phù hợp; có kế hoạch phối hợp với cơ sở đào tạo về đào tạo giáo viên, nhất là đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên đạt chuẩn trình độ theo Luật Giáo dục 2019.

(3) Chỉ đạo ngành Lao động, Thương binh và xã hội: Phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá lại hiệu quả sử dụng trang thiết bị dạy nghề đã được đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, sớm có kế hoạch đầu tư, trang bị mới; điều chuyển hoặc phương án sửa chữa trang thiết bị dạy nghề, nhất là những trang thiết bị dạy các nghề phi nông nghiệp, đã được đầu tư quá lâu, đến nay không còn phù hợp để nâng cao chất lượng dạy nghề, thu hút học viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

(4) Chỉ đạo các huyện, thành phố:

- Rà soát lại biên chế viên chức đã phân bổ cho từng địa phương, theo hướng căn cứ quy định định mức giáo viên và quy mô học sinh để sắp xếp, bố trí điều tiết hợp lý trong chỉ tiêu biên chế được giao trên địa bàn đảm bảo yêu cầu giảng dạy trong tình hình hiện nay, mặt khác có kế hoạch tuyển dụng hết số chỉ tiêu biên chế đã giao, ưu tiên tuyển dụng giáo viên đơn môn để tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu chưa đạt trong giai đoạn 2016-2020 như dạy 2 buổi/ngày, dạy học tiếng Anh và Tin học.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện đồng bộ Nghị quyết 32/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Kon Tum năm 2020 đối với chỉ tiêu giáo dục - đào tạo; cân đối kinh phí chi thường xuyên hàng năm cho các cơ sở giáo dục công lập đảm bảo phù hợp giữa các địa phương và hoạt động của nhà trường.

- Đánh giá lại hiệu quả mô hình tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn; thực hiện tốt phân luồng học sinh từ cấp THCS để định hướng, tư vấn hướng nghiệp dạy nghề; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo có phương án sử dụng số biên chế giáo viên hệ bổ túc văn hóa tại Trung tâm phục vụ mục tiêu giáo dục đào tạo chung trên địa bàn.

(5) Đối với việc đề nghị HĐNDban hành Nghị quyết về Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025 nhằm thực hiện Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 – 2025: UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng xây dựng, trình HĐND tỉnh xem xét quyết định.

(6) Sớm xem xét, giải quyết hoặc chỉ đạo các sở ngành giải quyết kiến nghị của các địa phương, đơn vị *(có phụ lục kiến nghị của các đơn vị kèm theo).*

Trên đây là Báo cáo của của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2025 và các nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);  - Thường trực HĐND tỉnh;  - UBMTTQVN tỉnh;  - UBND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các Ban HĐND tỉnh;  - Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Lao động, Thương binh và Xã hội, Nội vụ;  - Thường trực HĐND và UBND các huyện, thành phố;  - Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;  - Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;  - Lưu: VT, TH. | **TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH**  **KT.CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đã ký**  **Nguyễn Thế Hải** |

1. **()** Đối với các địa phương, đơn vị còn lại Đoàn giám sát thông qua báo cáo, gồm: huyện Ngọc Hồi, Ia H'Drai, Đăk Hà, Sa Thầy, TP Kon Tum. [↑](#footnote-ref-1)
2. **()** Nghị quyết 09/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014; Nghị quyết 86/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 [↑](#footnote-ref-2)
3. **()** Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 26/12/2011; Văn bản số 3225/UBND-KGVX ngày 26/12/2016. [↑](#footnote-ref-3)
4. **()** Chỉ tiêu huyện, thành phố được công nhận phổ cập trung học. [↑](#footnote-ref-4)
5. **() S**áp nhập 43 trường Tiểu học và 42 trường THCS thành 42 trường có Tiểu học - THCS; sáp nhập 06 trường THCS thành 03 trường THCS, 06 trường Mầm non thành 03 trường Mầm non, 03 Trường Tiểu học thành 02 trường Tiểu học, 02 trung tâm thành 01 trung tâm. Trong tháng 9-2020, thêm 04 trường Mầm non tại huyện Kon Rẫy sáp nhập thành 02 trường Mầm non. [↑](#footnote-ref-5)
6. **()** Quy hoạch đến 2020 có 541 trường/8.247 lớp, thực hiện 464 trường/6.300 lớp, giảm 77 trường và 1.947 lớp. [↑](#footnote-ref-6)
7. **()**Kon Plông: 100% các lao động được các doanh nghiệp tiếp nhận vào làm việc *(đối với nghề Hàn điện, Nề cốt thép)* hoặc được tư vấn, cho vay vốn giải quyết việc làm tại các thôn *(đối với nghề Sửa chữa xe máy, Đan lát...)*. [↑](#footnote-ref-7)
8. (**)**Phân hiệu PTDTNT huyện Kon Plông tại xã Đăk Tăng 27 phòng, Phân hiệu THPT Lương Thế Vinh tại xã Đăk Choong 20 phòng, THPT Chu Văn An tại xã Đăk Ruồng 08 phòng, THPT Nguyễn Du tại xã Đăk Hring (huyện Đăk Hà) 03 phòng. [↑](#footnote-ref-8)
9. **()**, CBQL *(QH 1.053 người, thực hiện 995, giảm 58 người);* GV *(QH 11.478 người, thực hiện 9.572, giảm 1.906 người);* Nhân viên *(QH 1.551, thực hiện 1.341, giảm 210 người)*. [↑](#footnote-ref-9)
10. **()** Mầm non 55/136 trường, đạt 40,4%; Tiểu học 62/99 trường, đạt 62,6%; THCS 45/111 trường, đạt 40,5%; THPT 13/28 trường, đạt: 46,4%. [↑](#footnote-ref-10)
11. **()** Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3 tuổi còn thấp (đến 2015: chỉ tiêu trên 20%, thực hiện 14,5%; đến 2020 chỉ tiêu trên 30%, thực hiện 15,35%). Một số huyện tỷ lệ huy động rất thấp (Đăk Hà 8,86%, ĐăkGlei 5,7%, Kon Rẫy 13%, KonPlong 13%). [↑](#footnote-ref-11)
12. () Tỷ lệ dạy 2 buổi/ngày: Sa Thầy 35,7%, Đăk Hà 36,18% [↑](#footnote-ref-12)
13. () Cấp Tiểu học: có 16.501/34.703 học sinh từ lớp 3 đến lớp 5 học chương trình tiếng Anh hệ 10 năm, chiếm tỉ lệ 47,6% *(tăng 40,9% so với năm học 2011-2012)*; Cấp THCS có 10.198/39.975 học sinh học chương trình tiếng Anh hệ 10 năm, chiếm tỉ lệ 25,51% *(tăng 21,31% so với năm học 2011 - 2012);* Cấp THPT có 3.137/13.871 học sinh học chương trình tiếng Anh hệ 10 năm, chiếm tỉ lệ 22,6% *(tăng 19,1% so với năm học 2011 - 2012)*. [↑](#footnote-ref-13)
14. () Số học sinh được học Anh văn chương trình mới ở cấp phổ thông: cấp Tiểu học *(chỉ tiêu 70%, thực hiện 48,6%).* Có 4/10 đơn vị không đạt chỉ tiêu Đăk Hà 35,97%, Sa Thầy 50,1%, Ia H’Drai 53,1%, Đăk Tô 61,5%. Riêng học sinh lớp 3 *(chỉ tiêu 100%, thực hiện 47,6%),* trong đó một số đơn vị đạt tỷ lệ thấp như ĐăkGlei 21,4%, Sa Thầy 23,2%, Tu Mơ Rông 20%, TPKT 34,90%; Học sinh lớp 6 *(chỉ tiêu 70%, thực hiện 31,1%)*. Tất cả các đơn vị đều không đạt chỉ tiêu, trong đó một số đơn vị thực hiện rất thấp như Kon Plong 9,2%, Đăk hà 13,50%, ĐăkGlei 20,1%, Kon Rẫy 19%; Lớp 10 *(chỉ tiêu 70%, thực hiện 22,6*%). [↑](#footnote-ref-14)
15. () Tiểu học: Số học sinh được học tin học *(chỉ tiêu trên 70%, thực hiện 19,31%).* Riêng TP KT đạt, 9/10 đơn vị không đạt. Một số đơn vị tỷ lệ rất thấp như Đăk Hà 9,02%, Sa Thầy 12,6%.

    THCS: Số học sinh được học tin học *(chỉ tiêu 100%, thực hiện 73,9%).* Có 1/10 đơn vị đạt chi tiêu (Đăk Tô), các đơn vị còn lại không đạt. [↑](#footnote-ref-15)
16. (), Tại Kế hoạch số 535/KH-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh về hoạch triển khai thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân” trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2019-2025, trong đó có quy định khác với quy hoạch, cụ thể: Phấn đấu đến năm 2020, có 65,7% học sinh lớp 3 (tại Quy hoạch 100%), 32,1% học sinh lớp 6 (tại Quy hoạch 70%) và 23,8% học sinh lớp 10 học tiếng Anh hệ 10 năm (tại Quy hoạch 70%). [↑](#footnote-ref-16)
17. () Trong đó huyện Kon Plông có điểm trường lẻ cao nhất (175 điểm trường); nhiều điểm trường lẻ cách trường trung tâm khoảng 5-7 km, cá biệt có nơi hơn 10 km. Do đó việc đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở các điểm trường lẻ gặp nhiều khó khăn, tiếp cận các hoạt động giáo dục tiên tiến hạn chế; sĩ số học sinh/lớp ở từng điểm thấp nhưng vẫn phải đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp dẫn đến việc thiếu chỉ tiêu giáo viên theo quy định. [↑](#footnote-ref-17)
18. () Quy hoạch trường PTDTBT đến 2015 là 71 trường, trong đó: Tiểu học 28 trường,, THCS 43 trường. Thực hiện đến 2020: 51 trường. [↑](#footnote-ref-18)
19. () Quy hoạch 3.390 GV, thực tế đã bố trí 3.474 GV, cao hơn so với quy hoạch 84 người. [↑](#footnote-ref-19)
20. Trường TH-THCS xã Xốp (Huyện Đăkglei); Trường TH Trần Quốc Toản (Đăk Ruồng-Kon Rẫy) [↑](#footnote-ref-20)
21. Quyết định 163/QĐ-UBND, ngày 25/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2020. [↑](#footnote-ref-21)
22. Huyện Đăk Glei, Đăk Tô... [↑](#footnote-ref-22)
23. Theo Luật Giáo dục mới năm 2019, tỷ lệ giáo viên các cấp đạt chuẩn giảm: mầm non: 15,83%; Tiểu học: 28,77%; THCS: 15,84%. [↑](#footnote-ref-23)
24. Huyện Tu Mơ Rông năm 2019 tuyển lớp 11 có 1 HV, lớp 12 có 10 HV, năm 2020 mỗi khối lớp có từ 1-2 HV; Huyện Đăk Tô đánh giá có khoảng 50% học viên yếu kém hàng năm; Huyện Kon Rẫy học sinh tốt nghiệp năm 2019 – 2020 đạt 77%, những năm trước chỉ đạt 40-50%. [↑](#footnote-ref-24)
25. Kon Rẫy chưa sử dụng 1 phòng thực hành, 4 phòng học lý thuyết nên bố trí cho các đơn vị khác mượn sử dụng, các thiết bị nghềsửa chữa xe máy, mộc, điện, hàn hư hỏng không còn sử dụng được để phục vụ dạy nghề phi nông nghiệp;

    Đăk Tô: ký túc xá, phòng học lý thuyết chưa được khai thác, sử dụng vì không có nhu cầu lao động đào tạo nghề theo hình thức tập trung;

    Đăk Hà: thiết bị dạy nghề thú y, nghề may, máy ghép thanh và một số máy móc liên quan đến nghề làm nhang do Trung tâm không giảng dạy và không có kế hoạch sử dụng trong thời gian tới nhưng đến nay vẫn chưa được điều chuyển. [↑](#footnote-ref-25)
26. () Xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ 2 mới thực hiện có 06/136 trường, đạt 4,41% (quy hoạch 25%), đối với Trường PTDTNT mới đạt 3 trường (quy hoạch 5 trường) [↑](#footnote-ref-26)
27. Nguồn thu xã hội hóa tăng chậm (2011-2015: 207.034 triệu, 2016-2020: 228.721 triệu). Tỷ trọng nguồn xã hội hóa giảm (2011-2015: 3,4%, 2016-2020: 2,6%) [↑](#footnote-ref-27)
28. Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ-Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

    [↑](#footnote-ref-28)